

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 4 năm 2021

Số: **185/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127 /2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Huyền Tr, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 19 (nay là tổ 1), phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở: Xóm TĐ, xã TĐ1, thành phố T1, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 19 (nay là tổ 1), phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Đức Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Huyền Tr và anh Nguyễn Đức Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn

2.2 Về con chung: Chị Trần Thị Huyền Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 06/01/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng cho cháu Nguyễn Minh Đ1 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

2.4 Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay: Chị Tr và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị Huyền Tr tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004579 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường T
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc